

Số: 2174/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 06 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang
giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 922/QĐ-BTTTT ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Tỉnh ủy Kiên Giang về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 22-NQ/TU ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kiên Giang về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 85/TTr-STTTT ngày 12 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược), với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

Ứng dụng mạnh mẽ, tiên phong các công nghệ số, dữ liệu số trong tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, phương thức sống, làm việc, sản xuất kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trên cơ sở kế thừa và phát huy tiềm năng về văn hoá, con người, kinh tế, xã hội địa phương hướng đến phát triển Kiên Giang thịnh vượng, ổn định và bền vững. Phần đầu tỉnh Kiên Giang nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có chỉ số chuyển đổi số tốt nhất của cả nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

1.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần; có tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính; tối thiểu 20% thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước được cắt giảm so với hiện nay.

- 100% dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương, thanh toán trực tuyến thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (ngoại trừ những dịch vụ yêu cầu sự hiện diện bắt buộc theo quy định của pháp luật); được cung cấp qua nhiều kênh truy cập; tự động điền dữ liệu sẵn có của người dùng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tăng sự tiện lợi và trải nghiệm người dùng.

- 100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp

luật; 100 % hồ sơ công việc cấp tỉnh, 90% hồ sơ công việc cấp huyện và 70% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo;

- Tối thiểu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

1.2. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%;

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%.

1.3. Xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

2. Mục tiêu đến năm 2030

2.1. Chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 100% hồ sơ công việc được trao đổi, xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước);

- Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, doanh nghiệp, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GDP;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;

- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%.

2.3. Xã hội số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt trên 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 100%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt trên 95%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện

được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 95%.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Xây dựng các quy định, chính sách áp dụng tại địa phương để cụ thể hóa các quy định, chính sách của quốc gia về phát triển chính phủ số, chuyển đổi số và cơ chế, chính sách thí điểm các giải pháp chuyển đổi số.

- Đưa nội dung phát triển công nghệ số, kinh tế số vào Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến 2050.

- Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển chính quyền số và chuyển đổi số của quốc gia.

- Xây dựng Kiến trúc ICT phát triển dịch vụ đô thị thông minh phù hợp với khung tham chiếu quốc gia.

- Ban hành quyết định phê duyệt an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin của tỉnh.

- Xây dựng các chính sách sử dụng dữ liệu số; trong đó ưu tiên sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ, giấy tờ phải nộp trong cung cấp dịch vụ công và sử dụng dữ liệu số trong chỉ đạo, điều hành để phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, ban hành quy chế kết nối, quản lý và chia sẻ dữ liệu số trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu vào lĩnh vực công nghệ thông tin; nguồn nhân lực có trình độ cao để tham gia quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực khi thực hiện chuyển đổi số. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến chính sách ưu đãi về thu nhập và môi trường làm việc.

2. Chuyển đổi nhận thức

- Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành; đặc biệt là thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số; chỉ đạo tái cấu trúc, đổi mới mô hình hoạt động, điều hành và mô hình nghiệp vụ từ “truyền thống” sang sử dụng dữ liệu số.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động Nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về chuyển đổi số. Tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước và kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng. Xây dựng chuyên mục về chuyển đổi số trên các trang/cổng thông tin, các phương tiện thông tin đại chúng. Thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số, công nghệ số nhằm trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm mô hình, giải pháp đã triển khai thành công. Tổ chức các cuộc thi trực tuyến chủ đề tìm hiểu về chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập tổng đài và các kênh để truyền thông, hướng dẫn, hỗ trợ về chuyển đổi số; đồng thời để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

3. Phát triển hạ tầng số

- Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật viễn thông đảm bảo chất lượng dịch vụ internet băng rộng và phủ khắp đến các hộ gia đình; triển khai mạng 5G đảm bảo chất lượng cho các dịch vụ IoT.....đảm bảo triển khai phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng ổn định, an toàn, thông suốt, từ cấp tỉnh đến cấp xã trên cơ sở tái cấu trúc mạng truyền số liệu chuyên dùng hiện có và mạng diện rộng của tỉnh theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, sử dụng hiệu quả mạng dùng riêng cho chính quyền số, tuân thủ mô hình tham chiếu về kết nối mạng cho bộ, ngành, địa phương do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

- Trang bị, nâng cấp máy tính, các thiết bị đầu cuối và chứng thư số chuyên dùng để phục vụ kịp thời các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước.

- Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với hệ thống đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.

- Nâng cấp, mở rộng, cải tạo Mạng WAN của tỉnh đáp ứng yêu cầu kết nối số.

- Thiết lập Trung tâm giám sát an ninh, an toàn và điều hành thông tin tỉnh Kiên Giang (Intelligent Operation Center - IOC) để thực hiện quản lý, điều hành tập trung, đa nhiệm trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đô thị của tỉnh.

- Xây dựng quy hoạch mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh; bổ sung camera các khu vực trọng điểm; triển khai kết nối, chia sẻ, quản lý đồng bộ dữ liệu camera trên địa bàn.

4. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai, xây dựng bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quỹ đất, chia sẻ dữ liệu và bản đồ nền về Trung tâm tích hợp dữ liệu. Nâng cấp, mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các lĩnh vực chuyên ngành.

- Phát triển CSDL hạ tầng đô thị, hợp nhất các dữ liệu đất đai, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, viễn thông, lưới điện... trên nền tảng công nghệ GIS.

- Xây dựng kho dữ liệu của công dân, tổ chức khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước; giúp công dân, tổ chức quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của mình, cung cấp chia sẻ với các cơ quan nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan nhà nước.

- Chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp của tỉnh, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh, kết nối, tiếp nhận và chia sẻ dữ liệu với các CSDL quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Chú trọng phát triển và chuẩn hoá các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan quản lý nhà nước đưa vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh. Trong đó, ưu tiên phát triển các cơ sở dữ liệu về bệnh án điện tử; hệ thống cơ sở y tế, bệnh viện, nhà thuốc; thiết chế văn hoá, địa điểm tham quan du lịch; đối tượng chính sách; hộ kinh doanh cá thể; hạ tầng đô thị, quy hoạch đô thị...

- Tập trung số hoá 100% kết quả giải quyết các thủ tục hành chính còn hiệu lực.

- Tiếp tục cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai để hoàn thành việc số hoá toàn bộ hồ sơ quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã).

5. Phát triển nền tảng số

- Nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh Kiên Giang đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) và các Bộ, ngành, địa phương khác trên toàn quốc.

- Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Cổng dịch vụ công của tỉnh, các hệ thống thông tin của các đơn vị như điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, công chứng.... tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.

- Hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến, mở rộng đa dạng các đối tác, hình thức thanh toán, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân thanh toán học phí, viện phí, điện, nước, thương mại điện tử....

- Xây dựng nền tảng IoT (IoT Platform) nhằm kết nối, tích hợp, kiểm soát, quản lý các thiết bị IoT, hỗ trợ phân tích dữ liệu, cung cấp thông tin, cảnh báo, hỗ trợ ra quyết định.

- Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử dụng các công nghệ như học máy, khai phá dữ liệu,.. phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách.

- Xây dựng ứng dụng KienGiang-s nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích theo hướng chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, địa phương. Ví dụ: Phản ánh hiện trường; nộp, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); cảnh báo thiên tai, lũ lụt; cảnh báo sâu rầy; cảnh báo dịch bệnh; tra cứu hồ sơ sức khỏe điện tử.....

- Ngành y tế: Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

- Ngành giáo dục: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- Phát triển nền tảng xử lý và thu thập dữ liệu phục vụ quá trình chuyển đổi số của các địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Ngành nông nghiệp: Phát triển hệ sinh thái nền tảng chuyển đổi số nông nghiệp (nền tảng quản lý nông nghiệp số và nền tảng phát triển kinh tế nông nghiệp số), đảm bảo tích hợp với hệ thống dữ liệu của tỉnh và Bộ, ngành Trung ương.

- Ngành tài nguyên môi trường: Xây dựng và tổ chức triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin về tài nguyên và môi trường, đóng góp các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Tập trung đào tạo, phát huy vai trò của Đội ứng cứu sự cố máy tính tỉnh Kiên Giang kết hợp với sự hỗ trợ của các cơ quan Trung ương để kịp thời ứng phó với các tình huống mất an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh. Hàng năm, tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin; tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn

thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ trong việc phòng ngừa, ứng phó với các sự cố thông thường tại đơn vị.

- Phân công Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Kiên Giang giám sát tình hình an toàn thông tin của các đơn vị qua hệ thống giám sát mã độc tập trung, hệ thống giám sát tường lửa tập trung. Đồng thời, thuê tổ chức giám sát chuyên nghiệp để giám sát Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh. Tích hợp chức năng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) vào Trung tâm giám sát an ninh, an toàn và điều hành thông tin tỉnh Kiên Giang và kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

- Định kỳ hàng năm thuê tổ chức chuyên nghiệp, độc lập với đơn vị giám sát đánh giá an toàn thông tin tại Trung tâm tích hợp dữ liệu giám sát các hệ thống thông tin quan trọng như: Hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống Cổng thông tin điện tử, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công, hệ thống thông tin cán bộ công chức, hệ thống LGSP và hệ thống mạng LAN của các sở, ngành, UBND cấp huyện thuộc tỉnh Kiên Giang kết hợp với kiểm tra các hệ thống thông tin được cảnh báo nguy cơ từ các cơ quan cấp trên hoặc qua hệ thống giám sát của tỉnh.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và Trung tâm dữ liệu tỉnh.

- Xây dựng hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin điện tử nhằm cảnh báo sớm để cơ quan có thẩm quyền kịp thời có biện pháp ngăn chặn khủng hoảng truyền thông và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thông tin điện tử và hoạt động báo chí.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức nhà nước và người dân trên địa bàn.

- Duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố máy tính; tham gia tích cực vào các hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Bảo đảm tỷ lệ kinh phí chi cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng trong tổng kinh phí triển khai kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm, giai đoạn 5 năm.

7. Phát triển nhân lực chuyên đổi số

- Thường xuyên đào tạo, tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút chuyên gia, nhân lực CNTT tập đoàn, doanh nghiệp công nghệ đến tỉnh đầu tư, làm việc.

- Chủ động đào tạo nguồn nhân lực CNTT tại chỗ thông qua việc nâng cao chất lượng đào tạo các ngành công nghệ thông tin, toán - tin học, điện tử, viễn thông trong các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

8. Phát triển chính quyền số

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính của Chính phủ.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ CNTT phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kết nối với các nền tảng dùng chung quốc gia để tránh trùng lặp, lãng phí.

- Phát triển, hoàn thiện hệ thống Công dịch vụ công, hệ thống một cửa điện tử tỉnh Kiên Giang cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành, bảo đảm kết nối, liên thông trao đổi văn bản điện tử với Bộ, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo và triển khai đến tất cả các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh, từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Tiếp tục duy trì có hiệu quả Tổng đài 1022 và xây dựng thêm các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

9. Phát triển kinh tế số

- Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi tắt là doanh nghiệp SMEs) thông qua việc sử dụng các nền tảng số xuất sắc nhằm giúp các doanh nghiệp SMEs tối ưu hóa hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao

năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số quốc gia và trong từng ngành, lĩnh vực, địa bàn.

- Cung cấp dữ liệu, thông tin chia sẻ, dữ liệu mở, hệ sinh thái nội dung số cho xã hội, nền kinh tế, các doanh nghiệp công nghệ nhằm tạo ra dòng chảy dữ liệu, động lực phát triển dữ liệu, tăng giá trị dữ liệu, là cơ sở để đổi mới sáng tạo, phát triển các dịch vụ nội dung số, phát triển nền kinh tế số, truyền thông - quảng cáo số; dịch vụ sáng tạo thông minh; thương mại điện tử...

- Tạo điều kiện, thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, tài trợ, tăng cường nghiên cứu các công nghệ số, phát triển các nền tảng số, hoạt động dữ liệu số, tạo ra các dịch vụ nội dung số phục vụ xã hội, phát triển nền kinh tế số.

- Xây dựng, ban hành và triển khai kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, doanh nghiệp sản xuất chuyển đổi sang cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, sản xuất thông minh, từng bước tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp. Ban hành tiêu chí đánh giá, xếp hạng chuyển đổi số của doanh nghiệp.

10. Phát triển xã hội số

- Tuyên truyền phổ biến về chuyển đổi số, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng các ứng dụng của chuyển đổi số trên các kênh truyền thông. Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số và an toàn thông tin cho người dân.

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, Giám đốc điều hành các doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp của tỉnh.

- Xây dựng chương trình đào tạo, phổ cập kỹ năng số cho người dân.

- Phổ cập kỹ năng số an toàn (phát triển các kỹ năng để phòng ngừa tội phạm qua môi trường mạng).

- Triển khai chương trình phổ cập điện thoại thông minh, thiết bị số đến toàn dân; các doanh nghiệp viễn thông có các gói cước ưu đãi đối với người dùng tại vùng sâu, vùng xa để khuyến khích việc tận dụng công nghệ số.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình thực hiện Chiến lược.

- Năm 2023 tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu và bổ sung, sửa đổi các nhiệm vụ, giải pháp (nếu cần thiết) và tổng kết đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch vào năm 2025.



2. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chiến lược.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện cải cách hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung Bộ chỉ số cải cách hành chính theo hướng gắn kết chặt chẽ phát triển chính quyền số với hoạt động cải cách hành chính, chính quyền số trở thành công cụ đắc lực thúc đẩy cải cách hành chính nhà nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật để triển khai chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo đúng tiến độ.

5. Sở Tài chính

- Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu kinh phí thực hiện của cơ quan, đơn vị, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên triển khai thực hiện Chiến lược theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan.

6. Các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, triển khai thực hiện Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng CNTT của đơn vị; triển khai đầu tư các hạng mục phù hợp, khoa học, đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước và Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh.

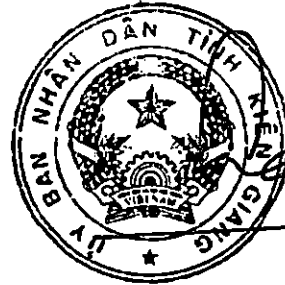
7. Báo Kiên Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang và các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm: Chủ trì, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị, địa phương xây dựng và kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung Chiến lược.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 7/2018

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng, CVNC;
- Lưu: VT, ltram.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Lưu Trung

Nguyễn Lưu Trung

